

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HS-ST

Ngày 28-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Trung

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2026/TLST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Hoàng Thế A, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2006, tại **xã L, tỉnh Hưng Yên**; số căn cước công dân: 034206013563, ngày cấp: 17-6-2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: **thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Thế L** và bà **Hoàng Thị N**; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:**

1. Anh **Lưu Đình T**, sinh năm 06-10-2008

Nơi cư trú: **thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên**

- Người đại diện hợp pháp cho anh **T**: ông **Lưu Đình T1**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: **thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên** và bà **Lê Thị H**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: **thôn L, xã B, tỉnh Hưng Yên**

2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc A1**, sinh ngày 28-12-2008

- Người đại diện hợp pháp cho chị **A1**: ông **Nguyễn Hưu T2**, sinh năm 1984; và bà **Đỗ Thị T3**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**.

(đều vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh **Phạm Quang A2**, sinh năm 2006; Nơi cư trú: **TP D, xã L, tỉnh Hưng Yên** (có mặt).

* **Người làm chứng:** 1. Anh **Trần Khánh D**, sinh năm 2003; Nơi cư trú: khu A, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh **Trần Mạnh V**, sinh năm 2005; Nơi cư trú: khu Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh **Lê Khắc M**, sinh năm 2005; Nơi cư trú: thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị **Nguyễn Thị Lê V1**, sinh năm 2009

- Người đại diện hợp pháp cho chị **V1**: ông **Nguyễn Đình T4**, sinh 1968 và bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1973.

Đều cư trú: thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Phạm Quang A2** và anh **Trần Khánh D** thuê nhà của ông **Cao Văn B**, sinh năm 1967 ở thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên để mở quán nước. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14/9/2025, trong khi đang cùng anh **D**, **Trần Hoàng Thế A**, anh **Trần Mạnh V**, anh **Lê Khắc M**, dọn dẹp ở ngoài sân trước cửa quán thì **Phạm Quang A2** nhìn thấy anh **Lưu Đình T** điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Airblade màu đen bạc, biển số 17AE-044.16 chở chị **Nguyễn Thị Ngọc A1** ngồi giữa và chị **Nguyễn Thị Lê V1** ngồi sau cùng đi trên đường Quốc lộ 39 theo hướng từ xã L đi xã H. Khi xe mô tô do anh **T** điều khiển đi qua cửa quán, **Quang A2** cho rằng nhóm anh **T** chửi nhóm của mình nên đã rủ **Thế A** đuổi theo để đánh. **Thế A** đồng ý và đi ra gốc cây cau trước cửa quán cầm theo 01 con dao dài 54cm, một lưỡi sắc, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 38cm, bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,1cm, mũi dao vát nhọn, trên thân dao có đục 06 lỗ kích thước không đồng đều, là dao sắc được quy định tại Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” (Ban hành theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng **Bộ C** quy định chi tiết về một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đi ra chỗ **Quang A2**. Sau đó, **Quang A2** điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH 160i màu xám đen, biển số 17AF-065.83 (xe của anh **D** cầm sẵn chìa khóa) chở **Thế A** cầm dao ngồi sau đuổi theo nhóm anh **T**. Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày khi đi đến khu vực **đường Q**, trước cổng nhà bà **Đào Thị Đ**, sinh năm 1953 ở thôn N, xã L; **Q** điều khiển xe vượt lên phía bên trái, chặn trước xe của anh **T** cách khoảng 02 m. Anh **T** điều khiển xe dừng lại sát vỉa hè bên phải theo chiều đi và vẫn ngồi trên xe. Lúc này, **Thế A** xuống xe, đứng chệch về bên trái đầu xe mô tô của anh **T**, cách anh **T** khoảng gần 01 mét, tay phải cầm dao giơ về phía anh **T** và hỏi anh **T** lý do vì sao chửi nhóm của **Thế A**. Anh **T** nói không chửi. **Thế A** dùng tay phải cầm dao chém 01 nhát theo phương ngang, hướng từ phải qua trái làm phần lưỡi dao trúng vào vùng thái

dương - chằm trái của anh **T**, gây thương tích rách da chảy máu, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 06%, anh **T** né nên phần mũi dao tiếp tục trượt xuống trúng vào cung mào trái của chị **Ngọc A1** đang ngồi phía sau anh **T**, gây thương tích rách da chảy máu, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%. Tiếp đó, **Thế A** xoay tay, vả ngang phần bụng dao (bản rộng của lưỡi dao) hướng từ trái qua phải, trúng vào vùng đầu bên phải của **T** (không gây thương tích). **Quang A2** thấy vậy, xuống xe can ngăn **Thế A** và chở **Thế A** đi về quán nước. Lúc này, **Trần Ngọc M1** một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số: 17AF-003.00 đi đến, nhìn thấy **Quang A2** chở **Thế A** quay đầu xe đi về nên cũng quay đầu xe đi theo sau. Anh **T** điều khiển xe mô tô chở chị **Ngọc A1** và chị **V1** đến **Bệnh viện Đ1** để khám và điều trị thương tích.

Bản kết luận giám định số 1647/KL-KTHS ngày 09/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh H** kết luận: “Mẫu gửi giám định, ký hiệu mẫu A là dao có tính sát thương cao thuộc Phụ lục 5, Danh mục dao có tính sát thương cao (Ban hành theo thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng **Bộ C** quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ).”

Giấy chứng nhận thương tích ban đầu; Bệnh án; Bản Kết luận giám định số 7481/KL-KTHS ngày 09/10/2025 của **V2 Bộ C** đối với **Lưu Đình T**, kết luận: “Sẹo vùng thái dương - chằm trái kích thước nhỏ: 01%. Mề xương sọ vùng thái dương trái, chiều dài từ 3cm trở xuống: 05%... Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Lưu Đình T** tại thời điểm giám định là: 06% (sáu phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: do vật có cạnh sắc gây ra”.

Giấy chứng nhận thương tích, bản Kết luận giám định số 7482/KL-KTHS ngày 09/10/2025 của **V2 Bộ C** đối với **Nguyễn Thị Ngọc A1**, kết luận: “...tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với sẹo vùng cung mào trái, kích thước nhỏ của **Nguyễn Thị Ngọc A1** tại thời điểm giám định là: 03% (ba phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: do vật có cạnh sắc gây ra”.

Bản Kết luận giám định số 1649/KL-KTHS ngày 17/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh H** kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video mẫu cần giám định. Đã mô tả và trích xuất hình ảnh vụ việc trong tệp video mẫu cần giám định. Chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-KV8, ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo **Trần Hoàng Thế A** về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Trần Hoàng Thế A** khai: khi bị cáo đang dọn dẹp quán cùng anh **Phạm Quang A2**, **D**, **V** và **M1** thì thấy anh **T** điều khiển xe mô tô chở

chị **Ngọc A1** và chị **V1** đi qua; **Quang A2** cho rằng nhóm của anh **T** chửi nhóm của bị cáo nên bảo bị cáo “lên xe đuổi theo, đánh cho nó một trận”, bị cáo thấy vậy thì cầm dao dựng sẵn ở gốc cây cau trước quán lên xe do **Quang A2** điều khiển đuổi theo xe của anh **T**, **Quang A2** ép sát xe của anh **T** và vòng lên phía trước, bị cáo cầm dao xuống xe và chửi anh **T** “mày chửi ai” và tay phải cầm dao chém 01 nhát theo phương ngang hướng từ phải qua trái phần lưỡi dao trúng vào vùng thái dương của anh **T**, do anh **T** né nên phần mũi dao trượt xuống trúng vào cung mày trái của chị **Ngọc A1** đang ngồi phía sau anh **T**, gây thương tích cho anh **T** và chị **Ngọc A1**. Sau đó bị cáo xoay tay, vả ngang phần bụng dao hướng từ trái qua phải, trúng vào vùng đầu bên phải của **T** nhưng không gây thương tích cho ai. Khi đó **Quang A2** bảo bị cáo đi về nên bị cáo cùng **Quang A2** lên xe đi về quán. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo cùng gia đình khắc phục hậu quả bồi thường cho chị **Ngọc A1** số tiền 10.000.000 đồng, anh **T** là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Phạm Quang A2** khai: anh xác định lời khai của bị cáo **Thế A** tại phiên tòa là đúng, sau khi sự việc xảy ra, anh đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh **T** số tiền 40.000.000 đồng, chị **Ngọc A1** số tiền 20.000.000 đồng. Anh không có ý kiến gì khác về việc bồi thường này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát khẳng định quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo **Trần Hoàng Thế A** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng Thế A** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 54cm, một lưỡi sắc, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 38cm, bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,1cm, mũi dao vát nhọn, trên thân dao có đục 06 lỗ kích thước không đồng đều; 01 bao đựng dao bằng nhựa màu đen dài 41,3cm, rộng 5cm đều đã qua sử dụng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Anh T, ông T1 và bà H; chị Ngọc A1, ông T2, bà T3 và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: lời khai của bị cáo Trần Hoàng Thế A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an xã L, tỉnh Hưng Yên lập ngày 14/9/2025; Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; bản ảnh vật chứng do Công an xã L lập ngày 14/9/2025; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an xã L lập ngày 14/9/2025; Bản kết luận giám định số 1647/KL-KTHS ngày 09/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh H; Giấy chứng nhận thương tích ban đầu; Bệnh án; Bản Kết luận giám định số 7481/KL-KTHS ngày 09/10/2025 của V2 Bộ C đối với Lưu Đình T; Giấy chứng nhận thương tích, Bản kết luận giám định số 7482/KL-KTHS ngày 09/10/2025 của V2 Bộ C đối với Nguyễn Thị Ngọc A1; bản kết luận giám định số 1649/KL-KTHS ngày 17/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh H; Lời khai của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T; chị Ngọc A1 và anh Quang A2; Lời khai của những người làm chứng anh D; anh V; anh M1 và chị V1 cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ 40 phút ngày 14/9/2025, tại đường Q, thuộc địa phận thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên; bị cáo Trần Hoàng Thế A đã có hành vi sử dụng 01 con dao, là dao sắc được quy định tại Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” (Ban hành theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C quy định chi tiết về một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ) gây thương tích 06% vùng thái dương - cằm trái của anh Lưu Đình T; 03% vùng cung mày trái của chị Nguyễn Thị Ngọc A1 và dùng tay phải cầm dao vả ngang phần bụng dao hướng từ trái qua phải, trúng vào vùng đầu bên phải của T nhưng không gây thương tích cho ai.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Hoàng Thế A** đã phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo **Trần Hoàng Thế A** về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với hành vi rủ, sau đó chở **Trần Hoàng Thế A** cầm dao đuổi theo chém gây thương tích cho anh **T** và chị **Ngọc A1** của **Phạm Quang A2**, HĐXX thấy **Quang A2** không bàn bạc, không thống nhất, không cổ vũ, xúi giục, chỉ đạo **Thế A** sử dụng dao gây thương tích và vả vào đầu anh **T**; sau khi **Thế A** chém gây thương tích cho anh **T** và chị **Ngọc A1**, **Quang A2** đã can ngăn **Thế A** không để **Thế A** tiếp tục thực hiện hành vi. Vì vậy, **Quang A2** không đồng phạm với bị cáo **Trần Hoàng Thế A** về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” trong vụ án này.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Hoàng Thế A** thấy rằng: hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng mà bị cáo **Trần Hoàng Thế A** thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nơi xảy ra tội phạm, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[6] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên xét về hành vi của bị cáo thấy chỉ vì nghi ngờ nhóm của anh **T** chửi nhóm của bị cáo mà bị cáo đã sử dụng dao có tính sát thương cao là vũ khí quân dụng lần thứ nhất chém gây thương tích đối với anh **T** và chị **Ngọc A1**, tiếp đó bị cáo xoay tay vả ngang phần bụng dao vào vùng đầu bên phải của **T** trong khi bị cáo không có mâu thuẫn gì với anh **T** cho thấy đây là hành vi coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải xử bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo

bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[7] Đối với hành vi sử dụng dao gây thương tích thương tích 6% cho anh T, 3% cho chị Ngọc A1 tại đường Q, thuộc địa phận thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên của Phạm Quang A2 và bị cáo Trần Hoàng Thế A. Quá trình điều tra xác định, diễn biến sự việc xảy ra nhanh, thời điểm xảy ra vào buổi tối, trên đường không có người tham gia giao thông, không ách tắc, cản trở giao thông, không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nơi xảy ra vụ việc nên không có căn cứ để xử lý về hành vi “gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo Trần Hoàng Thế A và Phạm Quang A2.

Đối với hành vi gây thương tích của bị cáo Trần Hoàng Thế A và Phạm Quang A2 vào ngày 10/11/2025 đối với anh T, chị Ngọc A1; anh T, chị Ngọc A1 và người đại diện theo pháp luật cho anh T, chị A1 đều có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự, không khởi tố bị can và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Quang A2 và bị cáo Trần Hoàng Thế A về hành vi gây thương tích. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với Phạm Quang A2 và bị cáo Trần Hoàng Thế A trong vụ án này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H chuyển các tài liệu liên quan đến Công an xã L, tỉnh Hưng Yên để xử phạt hành chính đối với Thế A và Quang A2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Ngọc M1 một mình điều khiển xe mô tô đi theo phía sau xe của Quang A2 và Thế A, mục đích để xem xảy ra chuyện gì, không bàn bạc, thống nhất đuổi đánh nhóm của anh T, không biết Thế A mang theo dao. Quang A2 và Thế A không biết M1 đi phía sau, không rủ rê, lôi kéo M1 đi cùng. Sau khi Thế A sử dụng dao gây thương tích cho anh T, chị Ngọc A1 thì M1 mới đi đến nơi, thấy Quang A2 đang chờ Thế A đi về nên M1 cũng quay lại đi về. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không xử lý gì đối với M1 là có căn cứ.

[8] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Trần Hoàng Thế A đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả về thương tích cho anh Lưu Đình T số tiền 20.000.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Ngọc A1 số tiền 10.000.000 đồng. Anh Phạm Quang A2 đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Lưu Đình T số tiền 40.000.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Ngọc A1 số tiền 20.000.000 đồng. Anh T, chị Ngọc A1 và người đại diện hợp pháp cho anh T, chị Ngọc A1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về vật chứng: trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao dài 54cm, một lưỡi sắc, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 16cm, lưỡi

dao bằng kim loại màu trắng dài 38cm, bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,1cm, mũi dao vát nhọn, trên thân dao có đục 06 lỗ kích thước không đồng đều; 01 bao đựng dao bằng nhựa màu đen dài 41,3cm, rộng 5cm đều đã qua sử dụng; HĐXX thấy đây là công cụ, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu để tiêu hủy.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Hoàng Thế A** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng Thế A** 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 54cm, một lưỡi sắc, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 38cm, bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,1cm, mũi dao vát nhọn, trên thân dao có đục 06 lỗ kích thước không đồng đều; 01 bao đựng dao bằng nhựa màu đen dài 41,3cm, rộng 5cm đều đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng của vụ án do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29-4-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Trần Hoàng Thế A** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo **Trần Hoàng Thế A** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Phạm Quang A2** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Lưu Đình T**, ông **Lưu Đình T1**, bà **Lê Thị H**, chị **Nguyễn Thị Ngọc A1**, ông **Nguyễn Hữu T5** và bà **Đỗ Thị T3** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bích Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL và NV LQ;
- Nguyên đơn dân sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND KV 8 tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV 8 - Hưng Yên;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bích Thủy

